

Bản án số: **28/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 18 – 04 -2024
Về việc: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Loan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông Nguyễn Văn Hiếu.
 - + Ông Đặng Hoàng Mích.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tuyết –
Thư ký, Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

Trong ngày 18 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số 467/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2014. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị ThT**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã ThPh, huyện BÐ, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông **Lê ThP**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã ThPh, huyện BÐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2023, nguyên đơn bà Lê Thị ThT trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:***

Bà cùng ông Lê ThP chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, hai bên đã đến Ủy ban nhân dân xã ThPh có lập “Giấy khai đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến ngày nay vẫn chưa được Ủy ban nhân dân xã ThPh cấp “Giấy chứng nhận kết hôn”.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, không

còn quan tâm lẫn nhau. Vì thế, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê ThP.

Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê GB, sinh năm 1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng ông Lê ThP không đến. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn Lê ThP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê ThP đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng đã vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy khai đăng ký kết hôn (bl 05) do nguyên đơn cung cấp đã xác định vào ngày 25/2/1997 bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP đã tự nguyện đến tại Ủy ban nhân dân xã ThPh để lập giấy khai đăng ký kết hôn. Mặc dù, cho đến thời điểm bà Lê Thị ThT chưa được Ủy ban nhân dân xã ThPh hoàn tất thủ tục để cấp Giấy đăng ký kết hôn cho họ theo quy định, nhưng bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP đã có tổ chức lễ cưới theo phong tục, đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, đã có chung chung với nhau. Với những tình tiết nêu trên, Căn cứ mục 2 của Kết luận số 84a/UBTVQH11 ngày 29/4/2003 Kết luận của Ủy ban thường vụ quốc hội về tờ trình của Chính phủ đề nghị Quốc hội gia hạn thời hạn thực hiện điểm B mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có căn cứ để xác định hôn nhân giữa bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP là hôn nhân thực tế kể từ thời điểm họ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997.

Xét nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Lê Thị ThT và ông Lê ThP đã sống ly thân nhiều năm nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị ThT là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê GB, sinh năm 1999, nay đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị ThT phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP. Cho bà Lê Thị ThT được ly hôn với ông Lê ThP.

2. Về con chung: Bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê GB, sinh năm 1999, nay đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị ThT phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000456 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD. Vậy, bà Lê Thị ThT đã nộp đủ số tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị ThT và ông Lê ThP vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ThPh;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan